TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ NGỮ VĂN

MÔN NGỮ VĂN KHỐI 9

Tuần 3

- Tiết 11 -12

VĂN BẢN:

TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM

I. Đọc, hiểu chú thích

(SGK trang 34-35)

1.Tác phẩm:

- Văn bản trích trong *"Tuyên bố của hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em"* họp tại trụ sở Liên hợp quốc tại Niu-oóc ngày 30/9/1990.

2. Kiểu văn bản và phương thức biểu đạt

- Văn bản: nhật dụng
- PTBĐ: nghị luận (chính trị -xã hội)

3. Bố cục: 4 phần

II. Đọc, hiểu văn bản:

1.Nhận thức của cộng đồng về trẻ em và quyền trẻ em: (mục1,2)

- Bản tuyên bố mở đầu bằng lời kêu gọi khẩn thiết: "Hãy bảo đảm cho tất cả trẻ em 1 tương lai tốt đẹp hơn".

-> Lí do đề ra bản tuyên bố.

- Cách nhìn nhận trẻ em thông qua đặc điểm tâm sinh lí: Trẻ em trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc, hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng.

-> Cách nêu vấn đề gọn, rõ có tính chất khẳng định, giới thiệu mục đích, nhiệm vụ của Hội nghị cấp cao thế giới

=> Khẳng định về Quyền trẻ em: được sống trong thanh bình, được chơi, được học, được phát triển.

=> Quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em là một vấn đề mang tính chất nhân bản.

2. Những thách thức phản ánh thực trạng của trẻ em trên thế giới (mục 3->7)

- Trẻ em có cuộc sống khổ cực không được hưởng những quyền lợi của mình.
- Nạn nhân của chiến tranh, bạo lực, phân biệt chủng tộc, đói nghèo, dịch bệnh, chết vì suy dinh dưỡng.

-> *Lí lẽ xác thực, lập luận chặt chẽ, đầy đủ, dẫn chứng cụ thể, tiêu biểu, mang tính liệt kê dồn dập.*

=> Trẻ em trên toàn thế giới phải chịu những thảm hoạ, bất hạnh về nhiều mặt. Đó là thách thức lớn với các chính phủ, các tổ chức quốc tế và mỗi cá nhân.

3. Những thuận lợi để cộng đồng quốc tế thực hiện lời tuyên bố vì trẻ em: (mục 8,9)

- Sự liên kết giữa các quốc gia.
- Công ước về Quyền trẻ em.
- Bầu không khí chính trị quốc tế được cải thiện.
- Sự hợp tác đoàn kết quốc tế trên nhiều lĩnh vực.

=> Đây là những thuận lợi lớn nhằm cải thiện tình hình, bảo đảm quyền trẻ em.

4. Những đề xuất nhằm đảm bảo cho trẻ em được chăm sóc, bảo vệ, phát triển:(mục 10 -> 17)

- Tăng cường sức khoẻ, chế độ dinh dưỡng.
- Quan tâm trẻ em tàn tật, hoàn cảnh khó khăn.
- Tăng cường vai trò phụ nữ, bình đẳng giới.
- Xoá nạn mù chữ ở trẻ em.
- Quan tâm đến bà mẹ khi mang thai và sinh đẻ.
- Tạo cơ hội tìm biết nguồn gốc lai lịch của mình.
- Khuyến khích trẻ tham gia một số hđộng văn hoá, xã hội.
- Khôi phục sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.

-> Nhiệm vụ toàn diện, cụ thể, sát thực tế để mang lại cuộc sống tốt đẹp nhất cho trẻ em.

III. Ghi nhớ: (SGK-35)

IV. Luyện tập: SGK- 36

Tiết 13: CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (TT)

I.Tìm hiểu bài:

1. Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp:

VD 1: Truyện cười: " Chào hỏi" (SGK/36)

-> Chàng rể không tuân thủ phương châm lịch sự vì lời chào không đúng lúc, đúng chỗ, không phù hợp với tình huống giao tiếp (áp dụng máy móc)

=> Cần vận dụng các phương châm hội thoại phù hợp với đặc điểm của tình huống giao tiếp (Nói với ai? Nói khi nào? Nói ở đâu?nói để làm gì?)

2. Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại:

VD 2 (SGK/37)

- **Nhân vật Ba**: Vi phạm phương châm về lượng để đảm bảo phương châm về chất.
- **Bác sĩ**: vi phạm phương châm về chất để người bệnh không rơi vào trạng thái bi quan, tuyệt vọng.
- Câu " **Tiền bạc chỉ là tiền bạc**" Người nói muốn người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý khác.

=> Tất cả các tình huống đều không tuân thủ PC hội thoại. **Việc không tuân thủ các phương châm hội thoại có thể bắt nguồn từ một số nguyên nhân khác nhau như sau:**

+ Người nói vô ý, vụng về, thiếu văn hóa giao tiếp.

+ Người nói phải ưu tiên cho 1 phương châm hội thoại hoặc 1 yêu cầu khác quan trọng hơn.

+ Người nói muốn gây 1 sự chú ý, để người nghe hiểu câu nói theo 1 hàm ý nào đó.

II. Ghi nhớ: (SGK 36- 37)

III. Luyện tập : (SGK/38)

……

Tiết 14 XƯNG HÔ TRONG HỘI THOẠI

I.Tìm hiểu bài:

1. Từ ngữ xưng hô:

Ví dụ: Ông, bà, bác, cô, chú, anh, chị, tôi, ta…(số ít).

Họ, chúng tôi, chúng ta…(số nhiều)

=>Tiếng việt có hệ thống xưng hô rất phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm.

2.Việc sử dụng từ ngữ xưng hô:

Ví dụ: Đoạn trích "Dế mèn phiêu lưu kí"

	Dế choắt	**Dế mèn**
- Đoạn a.	***Anh- Em***	***Tôi – Chú mày***

-> Cách xưng hô không bình đẳng của Dế choắt yếu thế đang nhờ vả Dế mèn.

- Đoạn b.	***Tôi – Anh***	***Tôi -Anh***

-> Cách xưng hô bình đẳng thể hiện sự ân hận của dế mèn khi gây tai họa cho dế choắt

⇨ **Khi giao tiếp người nói cần căn cứ vào đối tượng và các đặc điểm khác của tình huống giao tiếp để xưng hô cho thích hợp.**

II. Ghi nhớ: (SGK / 39)

III. Luyên tập: (SGK / 39, 40, 41)

PHIẾU HỌC TẬP

1. **Kể tên các phương châm hội thoại đã được học.**

……
……
……
……
……

2. **Nêu các nguyên nhân không tuân thủ các phương châm hội thoại.**

……
……
……
……

3. Nêu những việc làm mà em biết thể hiện sự quan tâm của Đảng và chính quyền địa phương nơi em đối với địa phương nơi em ở đối với trẻ em. Trình bày cụ thể.

……
……
……
……
……
……
……
……
……

……